TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/DS-PT
Ngày 25 - 12 - 2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.

*Các Thẩm phán:*Ông Phan Hồng Phước;

Ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phượng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Châu T, sinh năm: 1965 và bà Lê Thị Mai D, sinh năm: 1971; cùng địa chỉ: Tổ dân phố I N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, (Tổ dân phố I, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình *cũ*), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ồ, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1962; cùng địa chỉ: Tổ dân phố I N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, (Tổ dân phố I, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình *cũ*), ông Ồ có mặt, bà H xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Quý Nhật L; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố I N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, (Tổ dân phố I, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình *cũ*), vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Ồ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D trình bày:

Năm 2002, ông T và bà D nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị D1 một phần thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19 tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) với diện tích 104m^2 đất vườn và được Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00444 QSDĐ/2210/QĐ-UBND ngày 11/11/2002 tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 32 (*nay là thửa số 141 tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính năm 2021*). Đến năm 2003, ông T, bà D xin chuyển mục đích sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Q cho phép chuyển mục đích sử dụng từ 104m^2 đất vườn sang đất ở. Sau khi chuyển mục đích sử dụng, ông T, bà D xây nhà trên thửa đất (*được bà D1 và ông Ồ chỉ vị trí*). Sau này, khi ông T, bà D đi làm thủ tục tặng cho con mới biết đất của ông bà nhận chuyển nhượng đã bị lệch sang đất nhà bà D1, đất ông N và bà T1 (phía Đông). Việc ông T, bà D làm nhà chồng lên một phần đất của ông N, bà T1 đã được Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị) giải quyết bằng Bản án số 11/2020/DS-ST ngày 18/9/2020, ông T bà D đã đền tiền đầy đủ cho ông N và bà T1. Do nhà, đất làm lệch vị trí đất nên diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Văn Ồ bà Nguyễn Thị Mai H có lấn sang diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận của gia đình ông khoảng 23,3m^2, hiện nay ông Ồ và bà H đang sử dụng và xây 01 bức tường nhà tạm khoảng chiều cao 1,5m^2 rộng 2m^2 trên đất của ông T bà D (bức tường ông Ố bà H xây sau một thời gian Toà án giải quyết đất giữa ông T và ông N và bà T1).

Ngày 22/5/2023, Ủy ban nhân dân phường N (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ) tổ chức hoà giải giữa 2 gia đình ông Lê Châu T và ông Nguyễn Văn Ồ nhưng không thành. Sau khi hòa giải, ông T đã 02 lần làm hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng Trung tâm một cửa thành phố Đ (cũ) trả lại hồ sơ vì lý do không ký giáp ranh giữa 02 gia đình do chưa xác định được vị trí toạ độ đất của nhà ông T và ông Ồ.

Ông T, bà D khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết đo đạc, định vị vị trí đất, cắm mốc chính xác đất của ông T, bà D và buộc ông Nguyễn Văn Ồ, bà Nguyễn Thị Mai H giải toả phần xây dựng bức tường nhà tạm trên đất của ông T, bà D để trả lại diện tích lấn chiếm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ồ và bà Nguyễn Thị Mai H trình bày:

Gia đình ông Ổ, bà H sống trên mảnh đất này đã gần 100 năm (Từ thời ông bà của ông Ổ). Năm 1972, xây dựng bệnh viện V - Cu Ba nên gia đình bà Nguyễn Thị D1 chuyển đến ở giáp đất nhà ông. Từ đó, gia đình ông Ổ có trồng một hàng rào dâm bụt dọc ranh giới của hai nhà. Cuối vườn phía Nam, mẹ ông có trồng bụi tre. Gia đình ông Ổ với gia đình bà D1 sống hơn 50 năm không tranh chấp về ranh giới của hai nhà. Việc bà D1 bán đất cho ai, ông Ổ không được biết. Khi ông Lê Châu T xây dựng nhà, bà D1 có qua nói với ông Ồ ra chứng giám ranh giới hai nhà để ông T cho thợ đào móng. Khi ông Ổ ra vườn thì thấy nhiều người gồm cả địa chính và gia đình ông T. Bà D1 bảo ranh giới hai gia đình là hàng rào dâm bụt chạy từ B của hai nhà. Ông T cứ đào móng sát hàng rào là được vì hàng rào ông Ồ trồng trên đất vườn nhà ông Ổ. Ông T có xin ông Ổ đào rá móng sang vườn ông Ổ nhưng ông Ổ không đồng ý nên nhà ông T xây rá lệch. Khi xây tường, ông T xin mở cửa sổ qua vườn ông Ổ nhưng ông Ổ không đồng ý, nên cửa sổ nhà ông T chỉ làm cửa chớp, không xâm lấn qua đất nhà ông Ổ. Sau này, ông T qua xin cho bắt cục nóng điều hoà qua vườn nhà ông Ổ, ông Ô đồng ý với điều kiện nếu gia đình ông Ồ xây dựng vướng điều hoà thì ông T phải tháo dỡ và ông T chấp thuận. Từ đó đến nay, ranh giới hai nhà là bức tường nhà ông T.

Đến bây giờ, sau mấy chục năm, địa chính đưa ra bản đồ năm 2021 bảo nhà ông T xây lệch hướng, nên một phần đất của gia đình ông Ổ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, gia đình ông Ổ ở ổn định từ trước đến nay, còn bản đồ đất đai năm 2021 mới có sau này. Ngày 15/5/2023, gia đình ông T kiện lên Ủy ban nhân dân phường N (cũ). Khi đến phường N (cũ), ông T cũng công nhận xây dựng trên ranh giới hàng dâm bụt của hai nhà, không xâm lấn đất của ai. Nguyện vọng của ông T là đo lại hiện trạng, cấp lại sổ đỏ đúng diện tích đã mua của bà D1, nhưng vì không có bà D1 nên hoà giải không thành.

Ngày 12/5/2024, gia đình bà D1, gia đình ông T và gia đình ông Ổ ngồi lại với nhau có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn L1, tổ trưởng tổ dân phố I N và ông Nguyễn Đình P tổ trưởng an ninh tổ dân phố I N (Cũ). Ông T và bà D1 xác nhận đất bà D1 bán cho ông T xây dựng nhà đúng với ranh giới mà nhà ông Ồ với nhà bà D1 đã có gần 50 năm nay. Không ai lấn chiếm đất của ai, nếu có sai sót là phần của địa chính, nên ba gia đình thống nhất giữ nguyên hiện trạng thực có giữa hàng rào các gia đình. Ông T mời địa chính đo đạc lại thực tế và làm sổ đỏ mới, cuộc hoà giải ngày 12/5/2024 thành công. Sau đó, địa chính về đo đạc thực tế đất của ba nhà. Nhưng sau đó vì lý do gì mà ông T làm không được thì ông Ổ không biết.

Nay ông T, bà D khởi kiện yêu cầu gia đình ông Ổ bà H trả lại đất bị lấn chiếm, ông Ổ, bà H không đồng ý với lý do là ông không lấn chiếm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Bản thân bà D1 được bố mẹ để lại cho 01 thửa đất có diện tích 898m^2. Tháng 9/2002, bà D1 đã chuyển nhượng 104m^2 đất vườn cho ông Lê Châu T, hiện trạng khu đất tại thời điểm đó ổn định không có tranh chấp, đất nằm trong khu dân cư. Sau đó ông T được Ủy ban nhân dân thị xã Đ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xây dựng 01 ngôi nhà 2 tầng trên thửa đất. Khi ông T khởi công làm nhà ở, cán bộ địa chính và gia đình ông T đã đo đạc cắm mốc theo vị thửa đất mà ông T được cấp thời gian nào thì bà D1 không còn nhớ do thời gian đã quá lâu.

Bà D1 chỉ biết rằng năm 2020, khi bà Nguyễn Thị T1 là chủ sử dụng thửa đất giáp với thửa đất của bà D1 và ông T khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới và thông qua kết quả đo đạc thẩm định của Toà án thời điểm đó bà D1 mới biết ngôi nhà hai tầng ông T đang sử dụng có 01 phần diện tích chồng lên thửa đất của bà D1. Gia đình bà D1 và ông T đang tìm phương án thương lượng để giải quyết phần đất ông T chồng lấn sang thửa đất của bà D1. Tại vụ án này, bà D1 không yêu cầu giải quyết tranh chấp đất.

Đối với việc ông Lê Châu T khởi kiện ông Nguyễn Văn Ổ ra Toà án là việc cá nhân giữa ông T và ông Ổ, bà D1 không có ý kiến gì. Đề nghị Toà án nhân khu vực 1 - Quảng Trị tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả đo vẽ thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất và bổ sung bảng kê tọa độ các điểm cơ bản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình ông T và ông Ổ, đã xác định được một phần diện tích đất của gia đình ông Ổ và một phần diện tích ngôi nhà tạm và của gia đình ông Ổ đặt sai vị trí tọa độ, một phần đất mà gia đình ông Ổ đang sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông T, chồng lấn diện tích 22,4m^2 cụ thể:

Phía Bắc giáp đường dân sinh kích thước khoảng 0,39 m, phía Đông giáp nhà xây dựng của ông T kích thước 19,85m, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Ổ bà Nguyễn Thị Mai H đang sử dụng kích thước 1,87 m, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ổ bà Nguyễn Thị Mai H kích thước 20,00m.

Với những nội dung trên;

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 104; Điều 147; khoản 1 Điều 157, Điều 165; Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Áp dụng Điều 175, 176, 579 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 31 Luật đất đai năm 2024;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H trả lại cho ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D tổng diện tích là 22,4 m^2 cụ thể:

Phía Bắc giáp đường dân sinh kích thước khoảng 0,39 m, phía Đông giáp nhà xây dựng của ông T kích thước 19,85m, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Ổ bà Nguyễn Thị Mai H đang sử dụng kích thước 1,87 m, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ổ bà Nguyễn Thị Mai H kích thước 20,00m.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H tháo dỡ một phần nhà tạm có mái che diện tích 0,9m^2 làm chồng lên phần đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D để trả lại phần đất cho gia đình ông T bà D.

1.3. Các bên có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 04/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn Ổ kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đúng quy định theo Điều 64; Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

- Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tạiphiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Châu T, bà Lê Thị Mai D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H tháo dỡ tài sản để trả lại 22,4m^2 diện tích đất lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, xác định "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối tượng tranh chấp là bất động sản tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị, căn cứ Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ổ:

[2.1] Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Lê Châu T, bà Lê Thị Mai D: Năm 2002, ông T, bà D nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị D1 140m^2 đất vườn, thuộc thửa số 140, tờ bản đồ 19 tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), được Ủy ban nhân dân thị xã Đ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00444 QSDĐ/2210/QĐ-UBND ngày 11/11/2002 tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 32 (*Nay là thửa số 141 tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính năm 2021*). Năm 2003, ông T, bà D được Ủy ban nhân dân tỉnh Q cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở đối với diện tích 104m^2, sau khi nhận chuyển nhượng, ông T làm nhà ở ổn định cho đến nay.

[2.2] Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H: Ủy ban nhân dân thành phố Đ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 053425, vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04919 ngày 14/7/2016 tại thửa đất số 265, tờ bản đồ số 32 (*Nay là thửa số 03 tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính năm 2021*), diện tích 452,3m^2 đất ở cho vợ chồng ông Ổ. Sau khi được cấp đất, gia đình ông Ổ, bà H xây nhà, sinh sống ổn định trên thửa đất từ đó đến nay.

[2.3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của ông Ổ, bà H giáp đường giao thông có cạnh 11,4 + 04m, giáp thửa 81 (phía Nam) có cạnh 18,5m. Căn cứ

sơ đồ hiện trạng thì ông Ổ vẫn sử dụng các cạnh và diện tích đủ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Ngoài ra, ông Ổ, bà H sử dụng sang thửa 141 cạnh giáp đường giao thông 0,39m và cạnh phía Nam giáp thửa đất ông Nguyễn Công N, bà Nguyễn Thị T1 có cạnh 1,87m, với diện tích 22,4m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông T, bà D, trên đất có nhà tạm, mái che 0,9m^2 và hàng rào của ông Ổ, bà H. Ông T, bà D sử dụng diện tích 18,2m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Nguyễn Thị D1.

[2.4] Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn, bị đơn và bà Nguyễn Thị D1, đối chiếu với kết quả thẩm định thì do các bên không yêu cầu cơ quan chuyên môn đến xác định, cắm mốc giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp mà chỉ tự xác định mốc giới, làm lệch vị trí đất nên diện tích đất 22,4m^2 ông Ổ, bà H sử dụng lấn sang phần đất mà ông T, bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ổ, bà Mai H tháo dỡ tài sản để trả lại cho ông T, D diện tích đất 22,4m^2 là có căn cứ.

[2.5] Phần đất ông T, bà D chồng lấn sang đất của bà Nguyễn Thị D1, bà D1 không yêu cầu nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp thuận ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Ổ; giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần tuyên ranh giới cho chính xác.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Ổ và bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ trả số tiền 5.900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định cho ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn Ổ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Ổ; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 148 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự; Điều 26 và Điều 31 Luật Đất đai năm 2024;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H tháo dỡ tài sản, cây cối, di dời mái che lấn chiếm khoảng không gian trên mặt đất diện tích 0,9m^2 để trả lại cho ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D diện tích đất 22,4m^2, có vị trí:

Phía Bắc giáp đường giao thông có cạnh 0,39m, phía Đông giáp đất của ông T có cạnh 19,85m, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Công N, bà Nguyễn Thị T1 có cạnh 1,87m và phía Tây giáp đất ông Ổ, bà H có cạnh 20m.

(*Kèm theo Sơ đồ thửa đất ngày 07/8/2025*)

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số: 0001723 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Trị).

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ổ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ trả số tiền 5.900.000 (*năm triệu chín trăm nghìn*) đồng cho ông Lê Châu T và bà Lê Thị Mai D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 1 - Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Thương